

Số: 706 /QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 18 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở Phương Trường An 6, diện tích 419.809,1m², 2.760 căn hộ, dân số 6.991 người tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Trường An

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Tờ trình số 3062/TTr-CCBVM ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Bảo vệ môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Phương Trường An 6, quy mô diện tích 419.809,1m², quy mô 2.760 căn hộ, dân số 6.991 người” tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Trường An;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Phương Trường An 6, diện tích 419.809,1m², 2.760 căn hộ, dân số 6.991 người” (sau đây gọi là dự án) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Trường An (sau đây gọi là Chủ dự án) thực



hiện tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TNMT (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Phú Giáo;
- UBND xã Phước Hoà;
- Lưu: VT, CCBVMT, Nhung8.



GIÁM ĐỐC


Ngô Quang Sự

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU NHÀ Ở PHƯƠNG TRƯỜNG AN 6, DIỆN
TÍCH 419.809,1M², 2.760 CĂN HỘ,
DÂN SỐ 6.991 NGƯỜI**

(Kèm theo Quyết định số 706 /QĐ-STNMT ngày 18 tháng 7 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng khu nhà ở Phương Trường An 6, diện tích 419.809,1m², 2.760 căn hộ, dân số 6.991 người.

- Địa điểm thực hiện: xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Trường An.

1.2. Phạm vi: Đầu tư xây dựng và vận hành Khu nhà ở Phương Trường An 6 trên cơ sở Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Phương Trường An 6, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

1.3. Quy mô dự án:

1.3.1. Quy mô dân số: 6.991 người (2.760 căn).

1.3.2. Quy mô sử dụng đất: Tổng diện tích dự án là 419.809,1m², bao gồm:

- Đất ở: 209.685,5 m²
- Đất giáo dục: 8.749,4m²
- Đất trạm y tế: 704,1m²
- Đất thương mại dịch vụ: 4.042,7m²
- Đất trung tâm văn hóa - thể thao: 6.195,1m²
- Đất cây xanh: 14.095,0m²
- Đất cây xanh cách ly: 2.320,8m²
- Đất hạ tầng kỹ thuật: 20.995,2m²
- Đất mặt nước: 4.242,6m²
- Đất hành lang an toàn đường bộ: 2.762,7m²
- Đất hành lang an toàn đường điện: 8.700,7m²
- Đất giao thông: 137.315,3 m²

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Xây dựng các khu nhà ở liền kề với số lượng 2.760 căn; 01 trường mầm non có diện tích $4.200,5\text{m}^2$; 01 trường tiểu học có diện tích $4.518,9\text{m}^2$; 01 trạm y tế có diện tích $704,1\text{m}^2$; Khu thương mại dịch vụ có diện tích $4.042,7\text{m}^2$; trung tâm văn hoá - thể thao có diện tích $6.195,1\text{m}^2$.

- Xây dựng các tuyến đường giao thông nội bộ (hiện nay đã xây dựng đường D1 dài 586,0m; D2 dài 233,5; D4 dài 233,5m; D5 dài 688,9m; D6 dài 329,4m; D7 dài 323,0m; D8 dài 316,6m; D9 dài 321,0m; N1A dài 267,8m; N1B dài 310,8m; N2 dài 262,2m; N3 dài 724,8m; N4 dài 262,2m; N5 dài 593,9m; N6 dài 577,0m; N8 dài 504,7m; N9 dài 479,9m; N10 dài 435,4m; N11 dài 406,0m; N12 dài 377,0m; N13 dài 344,6m).

- Xây dựng hệ thống cây xanh và cây xanh cách ly trên diện tích: $16.415,8\text{m}^2$.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu nhà ở: hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, hệ thống chiếu sáng, chống sét, hệ thống thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy...

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải và các hạng mục công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường như sau: 2.760 bể tự hoại thể tích 3m^3 /bể đặt tại từng căn nhà; 01 bể tự hoại thể tích 18m^3 đặt tại trường mầm non; 01 bể tự hoại thể tích 12m^3 đặt tại trường tiểu học; 01 bể tự hoại thể tích 20m^3 đặt tại khu thương mại; 01 bể tự hoại thể tích 06m^3 đặt tại trạm y tế; 01 bể tự hoại thể tích 05m^3 đặt tại trung tâm văn hoá thể dục thể thao; trạm xử lý nước thải tập trung công suất $1.630\text{ m}^3/\text{ngày}$, thiết bị xử lý mùi hôi trạm xử lý nước thải công suất $2.000\text{ m}^3/\text{giờ}$; khu vực tập kết rác của khu nhà ở diện tích 50m^2 đặt tại phần đất hạ tầng kỹ thuật (trong đó khu vực chứa chất thải thông thường 40 m^2 , khu vực chứa chất thải nguy hại 10 m^2).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các tác động chính trong giai đoạn thi công, xây dựng:

Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án và các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng), chất thải nguy hại, ảnh hưởng đến môi trường không khí, chất lượng nước mặt khu vực dự án và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy nổ.

2.2. Các tác động chính trong giai đoạn vận hành:

- Hoạt động vận hành Khu nhà ở Phương Trường An 6 phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn giao thông.

- Hoạt động thu gom, xử lý nước thải, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn phát sinh mùi hôi, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng với lưu lượng khoảng 7,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (COD/BOD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

- Nước thải vệ sinh phương tiện, máy móc, thiết bị thi công, rửa xe ra vào công trình xây dựng với lưu lượng khoảng 24,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), dầu mỡ khoáng, ...

b) Khí thải:

Hoạt động san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình; vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải và hoạt động của các thiết bị thi công phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu gồm: TSP, CO, SO₂, NO₂, VOC...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân giai đoạn xây dựng với khối lượng khoảng 75 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, thùng chứa, giấy, chai lọ...

- Chất thải rắn thông thường: hoạt động đào đắp, san nền và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án phát sinh 180.086,72 m³ đất, phế liệu vật liệu xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 10.840 tấn trong toàn thời gian xây dựng (đất đá thải, bê tông thừa, nhựa, nhôm, kính, dây điện, sắt, thép...).

- Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 587,6 kg/năm. Thành phần chủ yếu như dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, các thùng chứa dầu, thùng chứa sơn, ...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động đào đất, chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển vật liệu xây dựng, thi công và xây lắp hạ tầng kỹ thuật, công trình, hàn cắt kim loại, hoạt động chà nhám, sơn tường, trải nhựa đường trong quá trình thi công xây dựng.

3.1.4. Các tác động khác (nếu có)

- Các chất thải rơi vãi trong quá trình vận chuyển vật liệu ảnh hưởng đến giao thông trên đường ĐT.741.

- Sự cố sạt lở, sụt lún trong quá trình xây dựng ảnh hưởng đến các khu đất xung quanh.

3.2. Trong giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của dân cư từ các căn hộ, trường học, khu thương mại dịch vụ, trạm y tế, trung tâm văn hoá - thể thao với lưu lượng khoảng 1.357,7 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (COD/BOD), các chất dinh dưỡng (N, P), amoni, vi sinh vật gây bệnh và dầu mỡ động thực vật.

b) Khí thải

- Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông của khu nhà ở, từ quá trình đun nấu. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là NO_x, SO₂, CO, VOC.

- Mùi phát sinh từ hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải và các vị trí tập trung chất thải rắn chờ vận chuyển đi xử lý. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là NH₃, H₂S, Mercaptan,

3.2.2 Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các căn hộ, khách vắng lai, trường học, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ, trạm y tế, trung tâm văn hoá - thể thao với khối lượng khoảng 8.429 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường có thành phần chủ yếu như bùn thải từ bể tự hoại và bùn thải từ trạm xử lý nước thải với khối lượng khoảng 432 kg/ngày.

b) Chất thải nguy hại

Chất thải rắn nguy hại có thành phần chủ yếu như bóng đèn thải, thủy tinh thải; pin, ắc quy thải; hộp chứa thuốc diệt côn trùng thải; các thiết bị, linh kiện

điện tử thải, ... với khối lượng phát sinh khoảng 473 kg/tháng.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh phương tiện vận chuyển ra vào khu dân cư; hoạt động của trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý mùi hôi.

3.2.4. Các tác động khác

Sự cố môi trường từ hệ thống xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

a) Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng → 04 Nhà vệ sinh lưu động → Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định.

- Nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng (bao gồm nước thải rửa xe, nước thải rửa thiết bị máy móc) → Bể lắng cát (thể tích 16 m³, kích thước 4m x 2m x 2m) → Bể tách dầu mỡ (thể tích 1 m³, kích thước 2 m x 0,5m x 1m) → Tận dụng phun tưới ẩm để hạn chế bụi. Dầu mỡ thải thu gom cho vào thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định.

- Nước mưa chảy tràn tại công trường được thu gom thoát về mương hở bê tông cốt thép ở phía Bắc và phía Đông → Mương hiện hữu chảy về suối Hàn.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải, mùi hôi

- Thực hiện các giải pháp thi công công trình tuân thủ đúng thiết kế, giấy phép xây dựng và các quy định khác của ngành xây dựng. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án trong quá trình thi công xây dựng. Bố trí hàng rào bao quanh toàn bộ khu vực xây dựng với khu vực lân cận.

- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quản lý giảm thiểu phát tán bụi trong quá trình thi công xây dựng và vận chuyển; kiểm tra giám sát, vệ sinh các phương tiện giao thông ra vào công trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động giao thông và cộng đồng dân cư gần khu vực dự án. Xây dựng kế hoạch, thời gian thi công hợp lý.

- Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung

quanh (QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân → Thùng rác 120 lít (6 thùng) có nắp đậy tại khu vực chứa chất thải sinh hoạt tạm thời diện tích 15m², gần khu vực công ra vào dự án → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển rác thải đến nơi xử lý đúng quy định, định kỳ 01 lần/ngày.

- Phế liệu từ quá trình xây dựng (sắt, thép, giấy, bao bì,...) → Tái sử dụng hoặc lưu giữ tại kho chứa diện tích 100m² đặt gần khu vực công ra vào dự án, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

- Đất từ quá trình đào (hệ thống thoát nước, mương nước đầu tư mới dọc ranh dự án), chất thải rắn tro (gạch vỡ, bê tông,...) → San lấp tại chỗ.

- Chất thải rắn, bùn thải từ nhà vệ sinh lưu động phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 8 m² gần khu vực chứa chất thải sinh hoạt tạm thời → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh. Định kỳ kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số về khí thải, độ ồn,

rung đạt quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

4.2. Trong giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

a) Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải từ nhà vệ sinh các căn hộ, trường học, khu thương mại dịch vụ, trung tâm văn hoá - thể thao, trạm y tế → Thu gom bằng đường ống uPVC D60, D90mm → Bể tự hoại từng khu vực (khu nhà ở có 2.760 bể tự hoại thể tích $3m^3$ /bể, trường mầm non bể tự hoại thể tích khoảng $18m^3$, trường tiểu học bể tự hoại thể tích khoảng $12m^3$, khu thương mại bể tự hoại thể tích khoảng $20m^3$, trạm y tế bể tự hoại thể tích khoảng $6m^3$, trung tâm văn hoá thể dục thể thao bể tự hoại thể tích khoảng $5m^3$) → Thu gom bằng đường ống uPVC D114mm → Hệ thống thu gom nước thải D200-400mm → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải nhà bếp (từ căn hộ, trường học, khu thương mại) + nước thải rửa tay, giặt giũ, tắm rửa → Tách rác, mỡ → Thu gom bằng đường ống uPVC D42, D60, D110, 140mm → Hệ thống thu gom nước thải D200-400mm → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Quy trình công nghệ Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $1.630m^3$ /ngày đêm: Nước thải → Hồ thu kết hợp tách cát → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể sinh học thiếu khí (anoxic) → Bể sinh học hiếu khí (aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể lọc → Bể khử trùng → Trạm quan trắc nước thải tự động → Bể đầu ra → Bơm nước thải sau xử lý bằng đường ống HDPE D110mm dọc theo mương bê tông cốt thép thoát nước mưa → Mương hiện hữu dài 195m (chủ đầu tư cải tạo thành mương bê tông cốt thép dài 50m) → suối Hàn → Sông Bé.

- Phân kỳ đầu tư hệ thống xử lý nước thải: trạm xử lý nước thải tập trung công suất $1.630 m^3$ /ngày xây dựng một lần, lắp đặt thiết bị chia làm ba giai đoạn (giai đoạn 1 công suất $400m^3$ /ngày đêm, giai đoạn 2 công suất tăng thêm $500m^3$ /ngày đêm, giai đoạn 3 công suất tăng thêm $730m^3$ /ngày đêm).

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1. Vị trí đầu nối tại hố ga đầu nối vào mương hiện hữu phía Đông Nam của dự án toạ độ X=1240079, Y=0606591.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải, mùi hôi

- Toàn bộ đường giao thông nội bộ, khuôn viên của khu nhà ở phải được trải nhựa, đổ bê tông để giảm thiểu việc lôi cuốn bụi từ mặt đất.

- Trồng cây xanh dọc các tuyến đường nội bộ, khuôn viên của khu nhà ở.

- Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải → Quạt Hút → Tháp hấp thụ bằng than hoạt tính → Ống thải cao 2m (*tính từ mái của trạm xử lý nước thải*).

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Rác thải phát sinh từ căn hộ, trường học, khu thương mại dịch vụ, trạm y tế, trung tâm văn hóa - thể thao → Tập kết về khu tập trung rác thải diện tích 50m² đặt tại phần đất hạ tầng kỹ thuật phía Đông (trong đó khu vực chứa chất thải rắn thông thường diện tích 40m² và chất thải nguy hại 10 m²) → Hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương để thu gom 01 lần/ngày.

- Bùn phát sinh từ trạm xử lý nước thải → Bể chứa bùn (*thể tích 273 m³*) Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn thải hầm tự hoại, bùn nạo vét cống rãnh → Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo Quy định Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án → Tự phân loại → Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 10 m² đặt tại phần đất hạ tầng kỹ thuật phía Đông.

- Khu vực chứa chất thải nguy hại có độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với chất thải nguy hại, tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy; có mái che kín nằng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có phân chia ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại chất thải nguy hại hoặc nhóm nguy hại; có dấu hiệu cảnh báo có dán các bảng phân khu vực.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng nội quy khu nhà ở quy định cụ thể giờ các phương tiện ra vào khu nhà ở. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật, kiểm tra giám sát các phương tiện giao thông ra vào khu nhà ở, đảm bảo không gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng, dân cư gần khu vực dự án.

- Trạm xử lý nước thải tập trung được xây dựng ngầm, âm, kín, có hệ thống hút và xử lý mùi, không có máy làm khô bùn, các bể được xây dựng ngầm dưới mặt đất (đỉnh cao hơn mặt đất 30cm), được trồng cây xanh cách ly quanh trạm tối thiểu 10m và đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường từ trạm đến các căn hộ tối thiểu 15m.

- Để hạn chế tiếng ồn phát sinh do hoạt động của trạm xử lý nước thải, lắp đặt máy thổi khí có vòng tua thấp để tiếng ồn phát ra thấp, lắp đặt ống giảm thanh, chống rung cho máy thổi khí đồng thời máy đặt trong nhà điều hành có đế cao su chống rung, nhà điều hành có cửa thiết kế chống ồn; Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị, tra dầu, thay bạc đạn đảm bảo tuổi thọ cho máy nhằm giảm thiểu tiếng ồn do máy móc không bảo trì gây ra.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát

hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, sẽ tiến hành lưu chứa tại bể sinh học thiếu khí hoặc bể sinh học hiếu khí để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố; chuẩn bị men vi sinh dự phòng cho bể kỵ khí. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của dự án được thiết kế tách riêng với hệ thống thu gom nước thải. Nước mưa của dự án → Tuyến cống D500 - D1500mm → 08 cửa xả → Mương hở bê tông cốt thép (rộng khoảng 2,6m, dài khoảng 1.505m, lòng mương 2,1m, sâu 3m) → Mương hiện hữu dài 195m (chủ đầu tư cải tạo thành mương bê tông cốt thép dài 50m) → suối Hàn.

- Tổ chức thoát nước mưa và nước thải sau xử lý cho Dự án theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Phương Trường An 6, xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; Văn bản số 30/KT-TH ngày 31 tháng 03 năm 2022 của Phòng kinh tế huyện Phú Giáo về việc đấu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải sau xử lý cho dự án Khu nhà ở Phương Trường An 6 và văn bản số 13/CV-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Phước Hoà.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Giai đoạn đi vào vận hành

a) Giám sát khí thải (mùi hôi) của hệ thống xử lý nước thải

- Vị trí: 01 điểm sau ống thải của hệ thống xử lý khí thải (mùi hôi) từ hệ thống xử lý nước thải.

- Chỉ tiêu: H_2S , NH_3 , CH_3SH

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT

b) Giám sát nước thải

- Giám sát tự động nước thải: Lắp đặt hệ thống quan trắc và giám sát nước thải tự động theo quy định tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Vị trí: Sau hệ thống xử lý nước thải.

+ Thông số: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

+ Tần suất: Liên tục.

+ Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1.

- Giám sát nước thải định kỳ:

+ Vị trí giám sát: Sau hệ thống xử lý nước thải.

+ Thông số giám sát: Sunfua (*tính theo H_2S*), NO_3^- (*tính theo N*), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, PO_4^{3-} (*tính theo P*), tổng Coliforms.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1

c) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, nhà chứa chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: thành phần và khối lượng.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có)

- Cam kết việc sử dụng đất để thực hiện dự án phải đảm bảo theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án. Đảm bảo an toàn đối với các công trình

ngầm theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

- Kiểm tra, quản lý chặt chẽ các chất thải từ các quá trình thi công; thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, trật tự, vệ sinh và phòng, chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu trữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. Thống kê, lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ trong quá trình thi công theo quy định.

- Giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo mọi loại chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động thi công của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Khi Nhà nước triển khai thực hiện dự án cao tốc cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành hoặc nâng cấp, mở rộng ĐT.741, Công ty có trách nhiệm di dời các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phân đường N3, nút giao N3 - ĐT.741 nằm trong phạm vi dự án cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành bằng nguồn kinh phí của Công ty theo ý kiến của Sở Giao thông Vận tải tại văn bản số 666/SGTVT-QLGT ngày 09 tháng 3 năm 2022.

- Chấp hành việc xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định xử phạt vi phạm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án sau khi đã hoàn thành công trình xử lý chất thải, trước khi vận hành thử nghiệm và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, cấp phép; hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 43 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.